

**CÔNG TY CỔ PHẦN XD VÀ TM THIÊN AN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XD VÀ TM THIÊN AN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2301215700

**3. Ngày thành lập:** 20/07/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Lâm Làng 4, Phường Vân Dương, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0855 338789

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                            | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                | 4322     |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                       | 4329     |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                       | 4330     |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                  | 4390     |
| 5.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                               | 4620     |
| 6.  | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                       | 4631     |
| 7.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                   | 4632     |
| 8.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                     | 4633     |
| 9.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                   | 4649     |
| 10. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                      | 4659     |
| 11. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu                                              | 8299     |
| 12. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp | 4711     |
| 13. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                   | 4719     |
| 14. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4721     |
| 15. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                     | 4722     |
| 16. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                       | 4723     |
| 17. | Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt                                                                      | 1010     |
| 18. | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản                                                              | 1020     |
| 19. | Chế biến và bảo quản rau quả                                                                                         | 1030     |
| 20. | Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn                                                                                | 1075     |
| 21. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ                                                                           | 4789     |

|     |                                                                                         |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 22. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)     | 4931        |
| 23. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                        | 4932        |
| 24. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                          | 4933        |
| 25. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                        | 5610(Chính) |
| 26. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                | 5621        |
| 27. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                    | 5629        |
| 28. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                 | 5630        |
| 29. | Xây dựng nhà để ở                                                                       | 4101        |
| 30. | Xây dựng nhà không để ở                                                                 | 4102        |
| 31. | Xây dựng công trình đường sắt                                                           | 4211        |
| 32. | Xây dựng công trình đường bộ                                                            | 4212        |
| 33. | Xây dựng công trình điện                                                                | 4221        |
| 34. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                     | 4222        |
| 35. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                      | 4223        |
| 36. | Xây dựng công trình công ích khác                                                       | 4229        |
| 37. | Xây dựng công trình thủy                                                                | 4291        |
| 38. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                         | 4292        |
| 39. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                   | 4293        |
| 40. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                              | 4299        |
| 41. | Phá dỡ                                                                                  | 4311        |
| 42. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                       | 4312        |
| 43. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                   | 4321        |
| 44. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh | 4772        |
| 45. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh                                | 4773        |

**6. Vốn điều lệ:** 2.680.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 268.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông       | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|-------------------|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | ĐẶNG THỊ<br>XUYẾN | Nhân Hữu, Xã<br>Nhân Thắng,<br>Huyện Gia Bình,<br>Tỉnh Bắc Ninh,<br>Việt Nam       | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 134.000       | 1.340.000.000            | 50,000       | 125077085                                                                                                              |            |
|     |                   |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                    | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                    | Tổng số                            | 134.000       | 1.340.000.000            | 50,000       |                                                                                                                        |            |
| 2   | ĐẶNG THỊ<br>HUYỀN | Quế Ổ, Xã Chi<br>Lãng, Huyện Quế<br>Võ, Tỉnh Bắc<br>Ninh, Việt Nam                 | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 67.000        | 670.000.000              | 25,000       | 0271930277<br>70                                                                                                       |            |
|     |                   |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                    | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                    | Tổng số                            | 67.000        | 670.000.000              | 25,000       |                                                                                                                        |            |

|   |               |                                                           |                           |        |             |        |              |
|---|---------------|-----------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|--------|--------------|
| 3 | HOÀNG THỊ THE | Quế Ô, Xã Chi Lăng, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 67.000 | 670.000.000 | 25,000 | 027166011002 |
|   |               |                                                           | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |               |                                                           | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |               |                                                           | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |               |                                                           | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |               |                                                           | Tổng số                   | 67.000 | 670.000.000 | 25,000 |              |
|   |               |                                                           |                           |        |             |        |              |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: ĐẶNG THỊ HUYỀN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 05/12/1993

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 027193027770

Ngày cấp: 30/08/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Quế Ô, Xã Chi Lăng, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Quế Ô, Xã Chi Lăng, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh